



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174
Địa chỉ: số 10 Liên kết 29, KĐT mới Văn Canh, xã Văn Canh, huyện Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 0243.2028865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU TẠI HIỆN TRƯỜNG

Hải Dương, ngày 22 tháng 10 năm 2024

- Đơn vị yêu cầu quan trắc:** Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng và Thương mại Hải Dương
- Đơn vị được quan trắc:** Công ty Cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB
- Địa điểm quan trắc:** Dự án: "Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp" tại Tờ bản đồ số 30, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Cán bộ giám sát:**Tạ... Bà... Hoài.....
- Cán bộ quan trắc:** Đỗ Tiến Hưng, Nguyễn Trường Sơn
- Thông tin đo đạc và lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Toạ độ	Thời gian	Ghi chú
1	K1/04/22.10.2024	Mẫu không khí xung quanh khu vực cổng ra vào dự án (lần 1 - buổi sáng).	2324040 608604		
2	K2/04/22.10.2024	Mẫu không khí xung quanh khu vực đường đi giữa xưởng số 1 và số 2 (lần 1 - Buổi sáng)	2323942 608600		
3	K3/04/22.10.2024	Mẫu khí xung quanh khu vực phía Tây Bắc nhà máy (lần 1 - Buổi sáng).	2323933 608543		
4	K4/04/22.10.2024	Mẫu không khí xung quanh khu vực cổng ra vào dự án (lần 2 - buổi trưa)	2324040 608604		
5	K5/04/22.10.2024	Mẫu không khí xung quanh khu vực đường đi giữa xưởng số 1 và số 2 (lần 2 – Buổi trưa)	2323942 608600		
6	K6/04/22.10.2024	Mẫu khí xung quanh khu vực phía Tây Bắc nhà máy (lần 2 - Buổi trưa)	2323933 608543		
7	K7/04/22.10.2024	Mẫu không khí xung quanh khu vực cổng ra vào dự án (lần 3 - buổi chiều)	2324040 608604		
8	K8/04/22.10.2024	Mẫu không khí xung quanh khu vực đường đi giữa xưởng số 1 và số 2 (lần 3 – Buổi chiều)	2323942 608600		
9	K9/04/22.10.2024	Mẫu khí xung quanh khu vực phía Tây Bắc nhà máy (lần 3 - Buổi chiều)	2323933 608543		



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174
Địa chỉ: số 10 Liên kê 29, KĐT mới Vân Canh, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.2028865

Email: phantich.ecvn@gmail.com

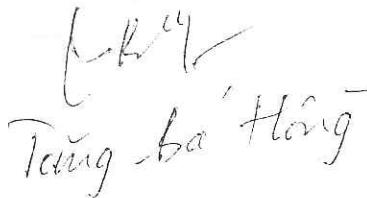
STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Toạ độ	Thời gian	Ghi chú
10	NM1/04/22.10.2024	Nước mặt tại mương thoát nước phía Đông Nam nhà máy (lần 1 - buổi sáng)	2323831 608605		
11	NM2/04/22.10.2024	Nước mặt tại mương thoát nước phía Đông Nam nhà máy (lần 2 - buổi trưa)	2323831 608605		
12	NM3/04/22.10.2024	Nước mặt tại mương thoát nước phía Đông Nam nhà máy (lần 3 - buổi chiều).	2323831 608605		

Việc lấy và bảo quản mẫu thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng hiện hành, có sự giám sát của các bên liên quan. Nội dung Biên bản lấy mẫu đã thông qua những người tham gia và nhất trí ký tên dưới đây.

Việc lấy mẫu được bắt đầu vào 9 giờ 00 phút, ngày 22/10/2024 và kết thúc vào 15 giờ 30 phút, ngày 22/10/2024.

Đại diện đơn vị được quan trắc

(Ký, ghi rõ họ tên)


Tăng Bá Hồng

Đại diện đơn vị

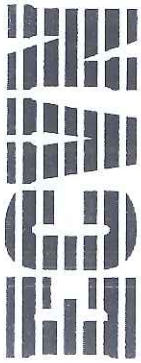
.....

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị lấy mẫu

(Ký, ghi rõ họ tên)


Ac Titi Hu



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504

Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liên kè 29, Khu đô thị mới Vân Canh, Xã Vân Canh, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

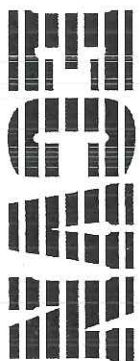
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03596/2024/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HẢI DƯƠNG
Địa chỉ : Số 57 đường Trần Nguyên Đán, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Đơn vị được quan trắc : Công ty Cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp" tại Tờ bản đồ số 30, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
Loại mẫu : Không khí xung quanh
Ngày lấy mẫu : 22/10/2024
Số lượng mẫu: 08
Thời gian phân tích: 23/10/2024 – 31/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích								QCVN 05:2023/ BTNMT
				A2410/ 3743	A2410/ 3744	A2410/ 3745	A2410/ 3746	A2410/ 3747	A2410/ 3748	A2410/ 3749	A2410/ 3750	
1	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	29,9	30,4	30,8	33,5	33	32,9	33,9	33,5	Trung bình 1 giờ
2	Độ ẩm ^(a)	% RH	QCVN 46:2012/BTNMT	70	67,3	66,9	60,1	63,7	60,3	59,7	58,1	-
3	Tốc độ gió ^(a)	m/s	SOP.ECVN.ĐN-K01	0,5	1,2	1,7	1,1	1,8	1,5	1,3	1,1	-
4	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,9	67,1	64,7	62,2	60,1	65,3	63,2	67,2	70 ⁽¹⁾
5	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	MASA 704B	32	35	29,8	44,3	20,6	36,5	27,5	25,4	350
6	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	8,4	21,8	23,7	25,6	11,5	11,7	25	16,4	200
7	CO ^(a)	µg/Nm ³	SOP.ECVN.PT-KK03	KPH (MDL= 3.500)	3.506	KPH (MDL= 3.500)	3.624	4.799	3.875	KPH (MDL= 3.500)	3.752	30.000
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	135	97	126	117	137	132	122	127	300

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
3. Thông số đánh (a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh (b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liên kè 29, Khu đô thị mới Văn Canh, Xã Văn Canh, Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865
Email: phantich.ecvn@gmail.com

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

- + A2410/3743: K1/04/22.10.2024/Mẫu không khí xung quanh khu vực công ra vào dự án (lần 1 - buổi sáng). Tọa độ: X = 2324040; Y = 608604.
- + A2410/3744: K2/04/22.10.2024/Mẫu không khí xung quanh khu vực đường đi giữa xưởng số 1 và số 2 (lần 1 - Buổi sáng).
Tọa độ: X = 2323942; Y = 608600.
- + A2410/3745: K3/04/22.10.2024/Mẫu khí xung quanh khu vực phía Tây Bắc nhà máy (lần 1 - Buổi sáng). Tọa độ: X = 2323933; Y = 608543.
- + A2410/3746: K4/04/22.10.2024/Mẫu không khí xung quanh khu vực công ra vào dự án (lần 2 - buổi trưa). Tọa độ: X = 2324040; Y = 608604.
- + A2410/3747: K5/04/22.10.2024/Mẫu không khí xung quanh khu vực đường đi giữa xưởng số 1 và số 2 (lần 2 - Buổi trưa).
Tọa độ: X = 2323942; Y = 608600.
- + A2410/3748: K6/04/22.10.2024/Mẫu khí xung quanh khu vực phía Tây Bắc nhà máy (lần 2 - Buổi trưa). Tọa độ: X = 2323933; Y = 608543.
- + A2410/3749: K7/04/22.10.2024/Mẫu không khí xung quanh khu vực công ra vào dự án (lần 3 - buổi chiều). Tọa độ: X = 2324040; Y = 608604.
- + A2410/3750: K8/04/22.10.2024/Mẫu không khí xung quanh khu vực đường đi giữa xưởng số 1 và số 2 (lần 3 - Buổi chiều).
Tọa độ: X = 2323942; Y = 608600.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.
 - + (V)QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2024
PGIÁM ĐỐC
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ
MÔI TRƯỜNG
VIỆT NAM

LÊ THUY DƯƠNG

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 2. Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 3. Thông số đánh (a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh (b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 4. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 5. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03597/2024/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HẢI DƯƠNG
Địa chỉ : Số 57 đường Trần Nguyên Đán, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
Đơn vị được quan trắc : Công ty Cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB
Địa điểm quan trắc : Dự án: "Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp" tại Tờ bản đồ số 30, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 01
Ngày lấy mẫu : 22/10/2024 Thời gian phân tích: 23/10/2024 – 31/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 05:2023/ BTNMT
				A2410/3751	Trung bình 1 giờ
1.	Nhiệt độ ^(a)	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	34,2	-
2.	Độ ẩm ^(a)	% RH		57,4	-
3.	Tốc độ gió ^(a)	m/s	SOP.ECVN.ĐN-K01	0,9	-
4.	Tiếng ồn ^(a)	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,1	70 ⁽¹⁾
5.	SO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	MASA 704B	27	350
6.	NO ₂ ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	20,7	200
7.	CO ^(a)	µg/Nm ³	SOP.ECVN.PT-KK03	KPH (MDL=3.500)	30.000
8.	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ^(a)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	142	300

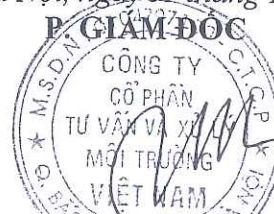
Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:
+ A2410/3751: K9/04/22.10.2024/Mẫu khí xung quanh khu vực phía Tây Bắc nhà máy (lần 3 - Buổi chiều). Tọa độ: X = 2323933; Y = 608543.
- Quy chuẩn so sánh:
+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí.
+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG


ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM


LÊ THUY DƯƠNG

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
- Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03598/2024/PKQ

Đơn vị yêu cầu quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HẢI DƯƠNG

Địa chỉ : Số 57 đường Trần Nguyên Đán, phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Đơn vị được quan trắc : Công ty Cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB

Địa điểm quan trắc : Dự án: "Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp" tại Tờ bản đồ số 30, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Loại mẫu : Nước mặt Số lượng mẫu: 03

Ngày lấy mẫu : 22/10/2024 Thời gian phân tích: 23/10/2024 – 31/10/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 08:2023/ BTNMT Bảng 1 - Bảng 2 (Mức B)
				W2410/ 5678	W2410/ 5679	W2410/ 5680	
1.	pH ^(a)	-	TCVN 6492:2011	6,75	6,81	6,77	6 ÷ 8,5
2.	Ôxy hòa tan (DO) ^(a)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,7	4,7	5	≥ 5,0
3.	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	3,4	3	3,1	≤ 6
4.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) ^(a)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	10,5	7,9	7,9	≤15
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	mg/L	TCVN 6625:2000	35,9	41	40,2	≤ 100
6.	Sunphat (SO ₄ ²⁻) ^(a)	mg/L	SMEWW 4500-SO42-.E:2017	48,9	48,6	49,8	-
7.	Photphat (PO ₄ ³⁻ P) ^(a)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,23	0,24	0,25	-
8.	NH ₄ ⁺ N ^(a)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	1,7	1,81	1,75	0,3
9.	Nitrat (NO ₃ ⁻ N) ^(a)	mg/L	TCVN 6180:1996	0,36	0,22	0,41	-
10.	Nitrit (NO ₂ ⁻ N) ^(a)	mg/L	TCVN 6178:1996	0,11	0,19	0,15	0,05
11.	Tổng dầu, mỡ ^(a)	mg/L	SMEWW 5520B:2017	1,19	1,32	1,2	5
12.	Coliform ^(a)	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2017	KPH (MDL =2)	KPH (MDL =2)	KPH (MDL =2)	≤ 5000
13.	E.coli ^(a)		SMEWW 9221G:2017	KPH (MDL =2)	KPH (MDL =2)	KPH (MDL =2)	20

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG VIỆT NAM
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG – VIMCERTS 174-VILAS 1504
Địa chỉ VPTN: Số nhà 10, Liên kè 29, Khu đô thị mới Vân Canh, Xã Vân Canh,
Huyện Hoài Đức, TP Hà Nội
Điện thoại: 0243.202.8865 Email: phantich.ecvn@gmail.com

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 08:2023/ BTNMT
				W2410/ 5678	W2410/ 5679	W2410/ 5680	Bảng 1 - Bảng 2 (Mức B)
14.	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL =0,03)	KPH (MDL =0,03)	KPH (MDL =0,03)	0,1

Ghi chú:

- Vị trí quan trắc:

+ **W2410/5678:** NM1/04/22.10.2024/Nước mặt tại mương thoát nước phía Đông Nam nhà máy (lần 1 - buổi sáng). Tọa độ: X = 2323831; Y = 608605.

+ **W2410/5679:** NM2/04/22.10.2024/Nước mặt tại mương thoát nước phía Đông Nam nhà máy (lần 2 - buổi trưa). Tọa độ: X = 2323831; Y = 608605.

+ **W2410/5680:** NM3/04/22.10.2024/Nước mặt tại mương thoát nước phía Đông Nam nhà máy (lần 3 - buổi chiều). Tọa độ: X = 2323831; Y = 608605.

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

Bảng 1: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

Bảng 2 (Mức B): Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ cho việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước.

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp; LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; (-) Không quy định hoặc không phân tích.

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2024

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

ĐỖ THỊ NGỌC DIỄM

P. GIÁM ĐỐC

LÊ THỦY DƯƠNG

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
 - Không được phép sao chép một phần kết quả nếu chưa được sự đồng ý của Công ty.
 - Thông số đánh ^(a) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vimcerts. Thông số đánh ^(b) là chỉ tiêu chỉ được công nhận Vilas.
 - Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 - Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB

GCNĐKDN số: 0801224033 do Phòng ĐKKD-Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp

Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/12/2017

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Châu Xá, xã Duy Tân, huyện Kinh Môn,
tỉnh Hải Dương.

CM 050498

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thửa đất số: 72 tờ bản đồ số: 30
b) Địa chỉ: xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
c) Diện tích: 18.425,0 m²
(bằng chữ: Mười tám nghìn bốn trăm hai mươi lăm mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 29/6/2043
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Ghi chú:

Trong thửa đất trên có 305,4 m² thuộc hành lang đường điện 35 KV, yêu cầu Công ty quản lý và sử dụng đất đảm bảo quy định của Pháp luật điện lực

Hải Dương, ngày 07 tháng 7 năm 2018

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

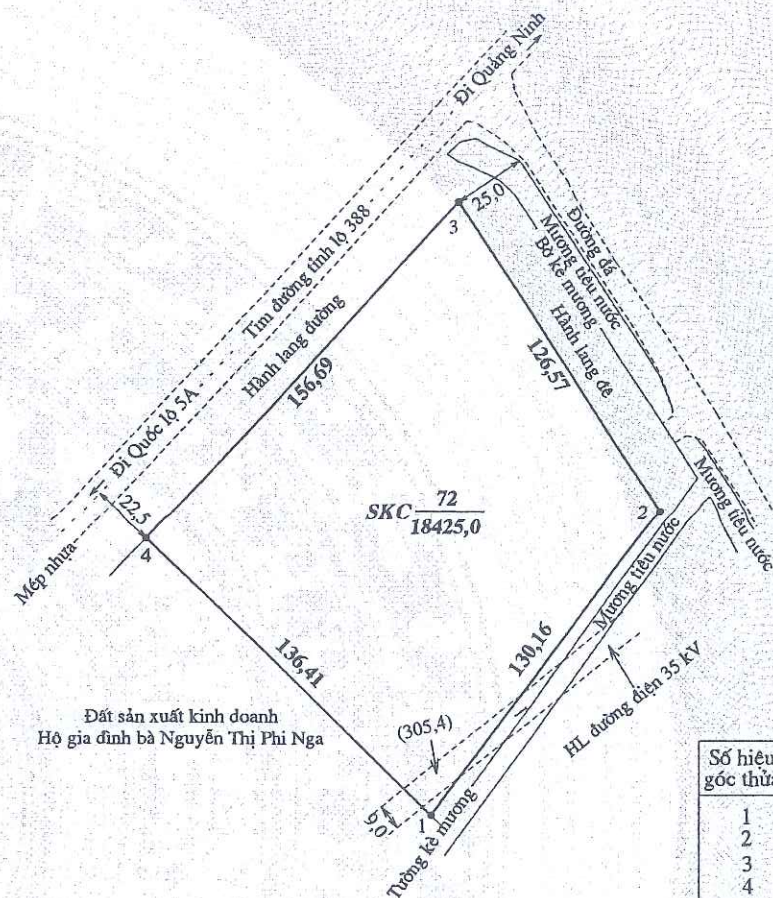
KT CHỦ TỊCH



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ANH CƯỜNG

Số vào sổ cấp GCN: CT00927

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Bảng kê tọa độ

Số hiệu góc thửa	X (m)	Y (m)
1	2323834.02	608600.87
2	2323938.28	608678.79
3	2324044.12	608609.38
4	2323929.06	608503.02

IV, Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



301072618001028

Số: 07/TĐ-KT&HT

Kinh Môn, ngày 24 tháng 01 năm 2019

V/v thông báo kết quả thẩm định thiết
kế bản vẽ thi công xây dựng công trình

Kính gửi: Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB

Phòng Kinh tế và Hạ tầng nhận được Tờ trình số 2301/TTr-MHB ngày 23/01/2019 của Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB đề nghị thẩm định thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình: Cơ sở sản xuất kinh doanh máy móc và các thiết bị xử lý môi trường;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm theo tờ trình thẩm định;

Căn cứ Luật xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 25/2017/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Quy định phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, quản lý chất lượng công trình xây dựng, quản lý hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Kinh Môn;

Sau khi xem xét, thẩm định, phòng Kinh tế và Hạ tầng thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH:

1. Tên công trình: Cơ sở sản xuất kinh doanh máy móc và các thiết bị xử lý môi trường. Cấp công trình: cấp III.

2. Chủ đầu tư: Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB.

4. Nguồn vốn: Nguồn vốn của Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB.

5. Địa điểm xây dựng: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

6. Tổ chức tư vấn thiết kế bản vẽ thi công: Công ty cổ phần cơ khí, xây dựng và thương mại Hoàng Kim.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ thẩm định:

- Tờ trình số 2301/TTr-MHB ngày 23/01/2019 của Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB.

- Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng Cơ sở sản xuất kinh doanh máy móc và các thiết bị xử lý môi trường của Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB, tỷ lệ 1/500.

- Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án Cơ sở sản xuất kinh doanh máy móc và các thiết bị xử lý môi trường của Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB.

- Quyết định số 2408/QĐ-UBND ngày 17/7/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Cơ sở sản xuất kinh doanh máy móc và các thiết bị xử lý môi trường.

- Hồ sơ: thuyết minh bản vẽ thi công, các tập bản vẽ thiết kế thi công, báo cáo khảo sát địa chất công trình.

2. Các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng (Ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng);

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 4514:2012 xí nghiệp công nghiệp - tổng mặt bằng - tiêu chuẩn thiết kế;

- Thoát nước bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957-2008;

- Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN-33-2006 Cấp nước- Mạng lưới đường ống và công trình;

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN: 4513-1988: Cấp nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Tiêu chuẩn xây dựng TCXDVN: 9597-2008: Cấp nước mạng lưới bên ngoài và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

- Quy phạm trang bị điện: 11 TCN - (18-21) - 2006 của Bộ Công Nghiệp;

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 4:2008/BTNMT;

- Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2622 - 1995 “Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế”;

- Áo cứng đường ô tô -22TCN223-95;

- Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế TCVN 4054 - 2005;

- TCVN 9361:2012. Công tác nền móng - Thi công và nghiệm thu;

- TCVN 5575 - 2012: Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5574:2012: Kết cấu bê tông và BTCT- Tiêu chuẩn thiết kế;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị QCVN 07:2010/BXD;

- Quy trình thiết kế cầu công theo trạng thái giới hạn 22 TCN 18 – 79;
- Lớp móng CPDD trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu TCVN 8859:2011;

- Công tác đất - Quy phạm thi công và nghiệm thu TCVN 4447-2012;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ 41:2016/BGTVT
- Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài: TCXDVN 51:2008.

3. Giải pháp thiết kế:

3.1. Nhà văn phòng 3 tầng (kí hiệu số 08): Diện tích xây dựng 276 m² (kích thước 13,8m x 20m), cao 14,2m.

+ Phần móng: Móng được ép cọc bê tông ly tâm dự ứng lực D300, chiều sâu trung bình 28m. Đài móng chân cột, dầm giằng móng bê tông cốt thép mác 300, tường xây gạch chỉ dày 220mm.

+ Phần thân: Công trình sử dụng kết cấu khung chịu lực kết hợp hệ dầm, giằng tường đổ BTCT mác 300 đá 1x2; Tường bao che, ngăn xây gạch chỉ vữa xi măng M75; Tường, dầm, trần trát vữa XM mác 75 dày 20mm;

+ Phần mái: Sàn tầng 2, tầng 3, sàn mái đổ BTCT mác 300 đá 1x2 dày 10cm.

3.2. Nhà bảo vệ (kí hiệu 2):

Diện tích xây dựng 29,9 m² (kích thước 6,44x4,64 m); cao 3,9m. Kết cấu móng băng, dầm giằng bê tông cốt thép mác 300, tường xây gạch chỉ dày 220mm, mái bê tông cốt thép. Cửa bằng nhôm kính

3.3. Nhà xưởng số 1 (kí hiệu số 9).

Diện tích xây dựng 3.337,0 m² (kích thước 40,2 m x 83,01 m), cao 16,33m. Kết cấu: móng ép cọc bê tông ly tâm dự ứng lực D300 sâu trung bình 28m, đài móng chân cột, dầm bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu khung nhà bằng thép tổ hợp SS400. Tường thu hồi xây gạch trung áp cao 3m dày 200mm; phía trên thung và mái bằng tôn màu. Cửa ra vào kết cấu thép và tôn mạ màu; cửa sổ dạng cửa chớp cố định, kết cấu tôn mạ màu.

3.4. Nhà xưởng số 2 (kí hiệu số 10).

Diện tích 3.614,382 m² (kích thước 40,2 m x 89,91 m). Kết cấu: móng ép cọc bê tông ly tâm dự ứng lực D300 chiều sâu trung bình 28m, đài móng chân cột, dầm bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu khung nhà bằng thép tổ hợp SS400. Tường thung, hồi xây gạch trung áp cao 3m dày 200mm, phía trên thung và mái bằng tôn màu. Cửa ra vào kết cấu thép và tôn mạ màu; cửa sổ dạng cửa chớp cố định, kết cấu tôn mạ màu.

3.5. Nhà xưởng số 3 (kí hiệu số 11).

Diện tích 416 m² (kích thước 10 m x 41,6 m). Kết cấu: móng ép cọc bê tông ly tâm dự ứng lực D300 chiều sâu trung bình 28m, đài móng chân cột, dầm

bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu khung nhà bằng thép tổ hợp SS400. Tường thung, hồi xây gạch trung áp cao 3m dày 200mm, phía trên thung và mái bằng tôn màu. Cửa ra vào kết cấu thép và tôn mạ màu; cửa sổ dạng cửa chớp cố định, kết cấu tôn mạ màu.

3.5. Nhà kho (kí hiệu số 14).

Diện tích 997,00 m² (kích thước 17,98m x 55,45m). Kết cấu móng băng, bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu khung nhà bằng thép tổ hợp SS400. Tường thung, hồi xây gạch trung cao 3m dày 200mm, phía trên thung và mái bằng tôn màu. Cửa ra vào kết cấu thép và tôn mạ màu; cửa sổ dạng cửa chớp cố định, kết cấu tôn mạ màu.

3.6. Nhà xưởng (Kí hiệu số 16).

Diện tích 471,44 m² (kích thước 18,98m x 26,22m). Kết cấu móng băng, bê tông cốt thép mác 300. Kết cấu khung nhà bằng thép tổ hợp SS400. Tường thung xây gạch trung áp cao 3m dày 200mm, phía trên thung và mái bằng tôn màu. Cửa ra vào kết cấu thép và tôn mạ màu; cửa sổ dạng cửa chớp cố định, kết cấu tôn mạ màu.

3.7. Nhà trưng bày sản phẩm (kí hiệu số 13)

Diện tích xây dựng khoảng 968,24 m² (kích thước 16m x 60,515 m), số tầng cao: 2 tầng. Móng được ép cọc bê tông ly tâm dự ứng lực D300 sâu trung bình 28m. Móng được đổ thành các đài chân cột, dầm giằng móng bê tông cốt thép mác 300, tường xây gạch chỉ dày 220mm, mái bê tông cốt thép. Cửa làm bằng cửa kính thủy lực và nhôm kính tùy từng vị trí.

3.8. Nhà ăn 2 tầng, nhà bếp (Kí hiệu số 4, 5).

Nhà ăn, nhà bếp: diện tích 350 m² (kích thước 16,00m x 21,87m); 2 tầng. Kết cấu: móng ép cọc bê tông ly tâm dự ứng lực D300 sâu trung bình 28m; đài móng chân cột, dầm bê tông cốt thép mác 300. Tường xây gạch chỉ dày 220mm, mái đổ bê tông cốt thép. Cửa ra vào, cửa sổ bằng nhôm kính.

3.9. Nhà vệ sinh (kí hiệu số 6).

- Nhà vệ sinh giáp khu vực nhà ăn: Xây 2 tầng, liền móng với nhà ăn. Diện tích xây dựng 28,88 m² (kích thước 4,00m x 7,22m). Tầng 1 cao 4,0m; tầng 2 cao 3,5m. Tường xây gạch chỉ dày 220mm, mái bê tông cốt thép. Cửa làm bằng nhôm kính.

- Nhà vệ sinh giáp trạm điện: Xây 1 tầng cao 2,7m; diện tích xây dựng 31,752 m² (kích thước: 5,88m x 5,4m). Kết cấu móng băng bê tông cốt thép mác 300, tường gạch xây gạch chỉ dày 220mm, mái đổ bê tông cốt thép. Cửa ra vào, cửa sổ bằng nhôm kính.

3.10. Khu vực cổng, tường rào.

+ Cổng chính (kí hiệu 1): Chiều rộng 12 m. Trụ cổng xây gạch, kết cấu cổng Inox.

+ Cổng phụ (kí hiệu 12): Chiều rộng 4m. Trụ cổng xây gạch, kết cấu cổng Inox.

3.11. Các công trình phụ trợ khác.

- Trạm cân ô tô (kí hiệu số 7): Diện tích 88 m² (kích thước 3,65m x 24,2m). Móng ép cọc bê tông ly tâm dự ứng lực D300 chiều sâu trung bình 28m. Kết cấu móng bê tông cốt thép.

- Nhà để xe (kí hiệu số 3): Diện tích 144 m² (kích thước 9 m x 16 m). Kết cấu khung cột bằng thép, lợp tôn mạ màu t = 0,4mm. Móng đơn đổ bằng bê tông cốt thép. Cửa ra vào kết cấu thép và bản lề mở ngang.

- Trạm điện (kí hiệu số 17): Diện tích 59,5m² (kích thước 5,4 x 9,15m). Xây 1 tầng cao 4,7m; móng bằng bê tông cốt thép mác 300; tường xây gạch chỉ dày 220mm, mái đổ bê tông cốt thép. Cửa ra vào kết cấu thép tổ hợp.

- Bãi tập kết (kí hiệu số 15): Diện tích 340,2 m² (kích thước 12mx28,35m). Nền được đổ bê tông mác 300 dày 0,2 m.

3.12. Hạ tầng kỹ thuật.

a. San nền. Cao độ hiện trạng +2.59 ÷ 2.85m. Chiều dày san lấp 718mm gồm 3 lớp kết cấu vật liệu: Lớp 1 đá subbase dày 120mm; Lớp 2 đá base dày 583mm; Lớp 3 đá mặt dày 15mm.

b. Hệ thống đường giao thông.

Hệ thống đường giao thông nội bộ gồm có 4 tuyến, diện tích đường giao thông 3.508,45 m², dốc ngang mặt đường 2 mái 2%. Kết cấu áo đường từ trên xuống dưới được thiết kế như sau: Bê tông xi măng M300 đá 1x2, dày 18 cm; Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15cm; Cấp phối đá dăm loại 2 dày 20 cm; Lớp đất đồi K98 dày 50cm.

Hai bên tuyến đường được thiết kế đan rãnh thoát nước kích thước 240(200)x200. Tại vị trí các tuyến 1, 2, 4 (mặt cắt 1-1, 3-3, 4-4) ốp bó vỉa kích thước 230x300x1000mm.

c. Hệ thống thoát nước mưa.

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống BTCT D400	M	118,5
2	Cống BTCT D600	M	266,2
3	Cống BTCT D800	M	73,2
4	Hố ga, cửa thu nước	Cái	10
5	Hố ga thu nước dưới đường	Cái	10
6	Cửa xả D800	Cái	01

d. Hệ thống thoát nước thải.

STT	Nội dung	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống thoát nước D400	Mét	250
2	Bể gom nước thải sinh hoạt	Bể	01
3	Hố ga	Cái	10
4	Ống HDPE D400	Mét	15

5	Cửa xả D400	Cái	01
---	-------------	-----	----

e. Hệ thống cấp nước:

STT	Danh mục thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Ống HDPE PE 80 D110	Mét	280
2	Ống HDPE PE80 D50	Mét	130
3	Ống thép bảo vệ qua đường D168/158	Mét	80
4	Ống thép bảo vệ qua đường D89/D83	Mét	30
5	Van nước, đồng hồ D160	Chiếc	01
6	Van nước	Chiếc	12

f. Hệ thống cấp điện.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy biến áp 1800 kVA-35(22)/0.4 kV	Máy	01
2	Máy biến áp 1500 kVA-35(22)/0.4 kV	Máy	01
3	Máy biến áp 630 kVA-35(22)/0.4 kV	Máy	01
4	Đường dây 35 (22) kV	Mét	15
5	Tủ điện	Tủ	23
6	Tiếp địa RC1	Bộ	23
7	Đường dây 0,4 kV	Mét	2710

g. Hệ thống phòng cháy chữa cháy.

- Lắp đặt 3 trụ cứu hỏa trên các trục đường chính. Khoảng cách bố trí các họng từ 120 – 150m theo TCVN 2622 - 1995.

- Bố trí trang thiết bị chữa cháy là bình chữa xách tay, bột hóa học khô ABC - 4kg và loại bình bột CO2 - 3kg; bình chữa cháy được đặt tại các vị trí dễ quan sát và dễ lấy.

h. Hệ thống cây xanh.

Tổng diện tích cây xanh toàn dự án: 3.696 m².

II. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG:

1. Hồ sơ Bản vẽ thi công phù hợp với quyết định phê duyệt quy hoạch được duyệt và chủ trương đầu tư của dự án.

2. Đơn vị khảo sát, thiết kế có đủ điều kiện năng lực hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Các giải pháp thiết kế xây dựng công trình tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Nhà nước.

4. Hồ sơ thiết kế tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.

5. Các giải pháp thiết kế công trình trong hồ sơ phù hợp với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

6. Công trình được thiết kế tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Các vấn đề khác:

- Hình thức quản lý: Chủ đầu tư quản lý dự án theo quy định.
- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn khảo sát, thiết kế chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ khảo sát và các số liệu phục vụ thiết kế.

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ:

Hồ sơ bản vẽ thi công đủ điều kiện xem xét phê duyệt.

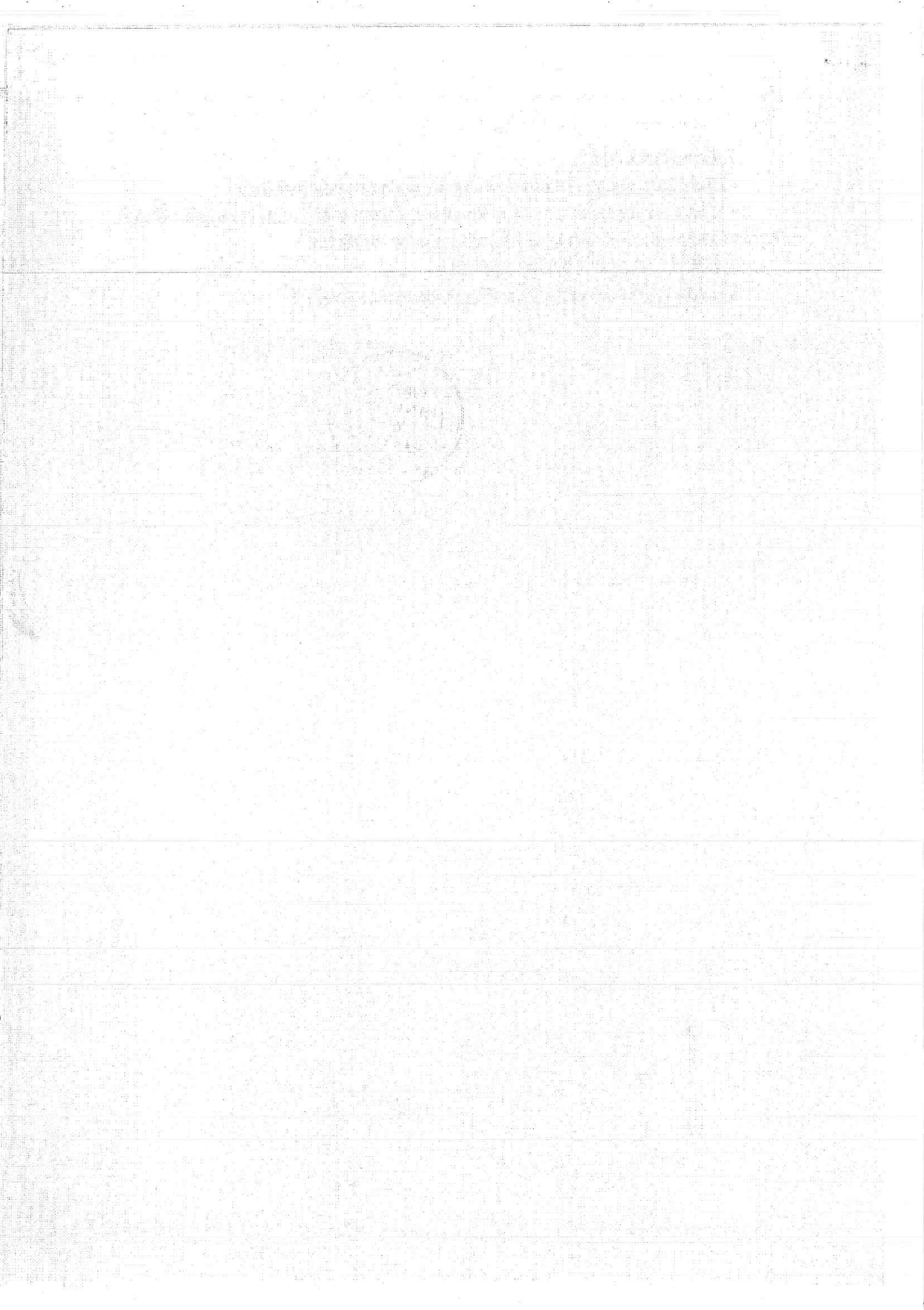
Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: KT&HT.



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Hùng



Kinh Môn, ngày 29 tháng 01 năm 2019

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 07/GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB.
 - Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Biền Chức vụ: Giám đốc.
 - Địa chỉ: Thôn Châu Xá, xã Duy Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.
2. Được phép xây dựng các công trình trong dự án: Cơ sở sản xuất, kinh doanh máy móc và các thiết bị xử lý môi trường.
Tổng số công trình: 16 công trình.
 - + Theo thiết kế: Hồ sơ xin cấp phép xây dựng công trình Cơ sở sản xuất, kinh doanh máy móc và các thiết bị xử lý môi trường.
 - + Do: Công ty cổ phần cơ khí, xây dựng và thương mại Hoàng Kim lập.
 - + Vị trí xây dựng các công trình: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Tổng diện tích khu đất: 18.425,0 m².
 - + Chỉ giới xây dựng: các công trình được xây dựng trên thửa đất số 72 tờ bản đồ số 30 xã Hiệp Sơn.
 - 2.1. Công trình 1: Nhà bảo vệ (hạng mục 02).
Gồm các nội dung sau:
 - + Cốt nền xây dựng công trình: +0,3 m so với cốt sân hoàn thiện.
 - + Mật độ xây dựng: 0,16%. Hệ số sử dụng đất: 0,001.
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 29,9 m².
 - + Tổng diện tích sàn: 29,9 m².
 - + Chiều cao công trình: 3,9 m; số tầng: 01 tầng.
 - 2.2. Công trình 2: Nhà để xe (hạng mục 03).
Gồm các nội dung sau:
 - + Cốt nền xây dựng công trình: +0,00 m so với cốt sân hoàn thiện.
 - + Mật độ xây dựng: 0,78%. Hệ số sử dụng đất: 0,008.
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 144 m².
 - + Tổng diện tích sàn: 144 m².
 - + Chiều cao công trình: 4,48 m; số tầng: 01 tầng.
 - 2.3. Công trình 3: Nhà ăn 2 tầng, nhà bếp (hạng mục 04, 05).
Gồm các nội dung sau:
 - + Cốt nền xây dựng công trình: +0,30 m so với cốt sân hoàn thiện.
 - + Mật độ xây dựng: 1,9%. Hệ số sử dụng đất: 0,038.



- + Diện tích xây dựng tầng 1: 350,0 m².
 - + Tổng diện tích sàn: 700,0 m².
 - + Chiều cao công trình: 8,54 m; số tầng: 02 tầng.
- 2.4. Công trình 4: Nhà vệ sinh giáp khu vực nhà ăn (hạng mục 06).
- Gồm các nội dung sau:
- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,3 m so với cốt sân hoàn thiện.
 - + Mật độ xây dựng: 0,15%. Hệ số sử dụng đất: 0,003.
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 28,88 m².
 - + Tổng diện tích sàn: 57,76 m².
 - + Chiều cao công trình: 8,54 m; số tầng: 02 tầng.
- 2.5. Công trình 5: Nhà vệ sinh giáp trạm điện.
- Gồm các nội dung sau:
- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,3 m so với cốt sân hoàn thiện.
 - + Mật độ xây dựng: 0,15%. Hệ số sử dụng đất: 0,001.
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 31,572 m².
 - + Tổng diện tích sàn: 31,572 m².
 - + Chiều cao công trình: 3,1 m; số tầng: 01 tầng.
- 2.6. Công trình 6: Nhà văn phòng 3 tầng (hạng mục 08).
- Gồm các nội dung sau:
- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,75 m so với cốt sân hoàn thiện.
 - + Mật độ xây dựng: 1,5%. Hệ số sử dụng đất: 0,048.
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 276,0 m².
 - + Tổng diện tích sàn: 889,9 m².
 - + Chiều cao công trình: 14,20 m; số tầng: 03 tầng + 01 tum.
- 2.7. Công trình 7: Nhà xưởng số 1 (hạng mục 09).
- Gồm các nội dung sau:
- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,2 m so với cốt sân hoàn thiện.
 - + Mật độ xây dựng: 18,11%. Hệ số sử dụng đất: 0,18.
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 3.337,0 m².
 - + Tổng diện tích sàn: 3.337,0 m².
 - + Chiều cao công trình: 16,33 m; số tầng: 01 tầng.
- 2.8. Công trình 8: Nhà xưởng số 2 (hạng mục 10).
- Gồm các nội dung sau:
- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,20 m so với cốt sân hoàn thiện.
 - + Mật độ xây dựng: 19,62%. Hệ số sử dụng đất: 0,19.
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 3614,382 m².
 - + Tổng diện tích sàn: 3614,382 m².
 - + Chiều cao công trình: 16,33 m; số tầng: 01 tầng.
- 2.9. Công trình 9: Nhà xưởng số 3 (hạng mục 11).

Gồm các nội dung sau:

- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,20 m so với cốt sân hoàn thiện.
- + Mật độ xây dựng: 2,26%. Hệ số sử dụng đất: 0,022.
- + Diện tích xây dựng tầng 1: 416 m².
- + Tổng diện tích sàn: 416 m².
- + Chiều cao công trình: 10,82 m; số tầng: 01 tầng.

2.10. Công trình 10: Nhà trưng bày (hạng mục 13).

Gồm các nội dung sau:

- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,30 m so với cốt sân hoàn thiện.
- + Mật độ xây dựng: 5,25%. Hệ số sử dụng đất: 0,105.
- + Diện tích xây dựng tầng 1: 968,24 m².
- + Tổng diện tích sàn: 1936,4 m².
- + Chiều cao công trình: 8,54 m; số tầng: 02 tầng.

2.11. Công trình 11: Nhà kho (hạng mục 14).

Gồm các nội dung sau:

- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,20 m so với cốt sân hoàn thiện.
- + Mật độ xây dựng: 5,4%. Hệ số sử dụng đất: 0,054.
- + Diện tích xây dựng tầng 1: 997 m².
- + Tổng diện tích sàn: 997 m².
- + Chiều cao công trình: 11,43 m; số tầng: 01 tầng.

2.12. Công trình 12: Nhà xưởng (hạng mục 16).

Gồm các nội dung sau:

- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,20 m so với cốt sân hoàn thiện.
- + Mật độ xây dựng: 2,56%. Hệ số sử dụng đất: 0,056.
- + Diện tích xây dựng tầng 1: 471,44 m².
- + Tổng diện tích sàn: 471,44 m².
- + Chiều cao công trình: 11,43 m; số tầng: 01 tầng.

2.13. Công trình 13: Trạm điện (hạng mục 17).

Gồm các nội dung sau:

- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,30 m so với cốt sân hoàn thiện.
- + Mật độ xây dựng: 0,32%. Hệ số sử dụng đất: 0,003.
- + Diện tích xây dựng tầng 1: 59,5 m².
- + Tổng diện tích sàn: 59,5 m².
- + Chiều cao công trình: 5,1 m; số tầng: 01 tầng.

2.14. Công trình 14: Trạm cân (hạng mục 07).

Gồm các nội dung sau:

- + Cốt nền xây dựng công trình: +0,30 m so với cốt sân hoàn thiện.
- + Mật độ xây dựng: 0,47%. Hệ số sử dụng đất: 0,004.
- + Diện tích xây dựng: 87,6 m².

2.15. Công trình 15: Bể xử lý nước thải (hạng mục 18).

Gồm các nội dung sau:

+ Cốt nền xây dựng công trình: +0,0 m so với cốt sân hoàn thiện.

+ Mật độ xây dựng: 0,19%. Hệ số sử dụng đất: 0,002.

+ Diện tích xây dựng: 35,0 m².

2.16. Các hạng mục công trình khác: Cổng, tường bao, hệ thống sân đường nội bộ, hệ thống cấp thoát nước và hệ thống phòng cháy chữa cháy.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 050498 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 07/09/2018.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- UBND xã Hiệp Sơn;
- Lưu: VT, KT&HT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC TIẾN

Kinh Môn, ngày 11 tháng 6 năm 2025

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 405/GPXD

1. Cấp cho: Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB.

- Mã số doanh nghiệp: 0801224033.

- Đăng ký lần đầu ngày 05/10/2017; đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 26/11/2024 do phòng ĐKKD - Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương cấp.

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Người đại diện: Ông Nguyễn Văn Biển - Chức danh: Giám đốc.

2. Được phép xây dựng các hạng mục công trình thuộc dự án: Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp.

Theo hồ sơ: Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp, được UBND thị xã Kinh Môn phê duyệt tại Quyết định số 1331/QĐ-UBND ngày 17/4/2025.

- Theo thiết kế: Hồ sơ thiết kế xin cấp phép xây dựng.

- Do: Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và thiết kế xây dựng Hải Dương lập.

- Đơn vị thẩm tra thiết kế: Công ty cổ phần quản lý dự án và xây dựng H-D.

- Vị trí xây dựng các hạng mục công trình: Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 30, diện tích 18.425,0 m², phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Chỉ giới xây dựng: Xây dựng các hạng mục công trình theo hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng được phê duyệt.

2.1. Công trình 1: Nhà xưởng mở rộng (ký hiệu 03 trên tổng mặt bằng).

Gồm các nội dung sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: + 0,20 m so với cos sân đường nội bộ.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 2.407,9 m²; Tổng diện tích sàn: 4.012,9 m²;

Chiều cao công trình: 14,95 m; Số tầng: 02 tầng.

2.2. Công trình 2: Nhà điều hành xưởng (ký hiệu 11 trên tổng mặt bằng).

Gồm các nội dung sau:

- Cốt nền xây dựng công trình: + 0,45 m so với cos sân đường nội bộ.

- Diện tích xây dựng tầng 1: 121,7 m²; Tổng diện tích sàn: 275,4 m²;

Chiều cao công trình: 11,45 m; Số tầng: 03 tầng.

2.3. Công trình 3: Bể hồ PCCC (ký hiệu 09 trên tổng mặt bằng).

Gồm các nội dung sau:

- Cốt mặt bể hoàn thiện: + 0,00 m so với cos sân đường nội bộ.
- Diện tích xây dựng: 94,4 m²; Thể tích bể: 75,0 m³.

2.4. Công trình 4: Bể ngầm PCCC (ký hiệu 10 trên tổng mặt bằng).

Gồm các nội dung sau:

- Cốt mặt bể hoàn thiện: - 0,20 m so với cos sân đường nội bộ.
- Diện tích xây dựng: 182,0 m²; Thể tích bể: 546,0 m³.

2.5. Khu vực đấu nối hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu 12 trên tổng mặt bằng).

- Diện tích xây dựng: 33,6 m².

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 338188 do UBND tỉnh Hải Dương cấp ngày 27/12/2019.

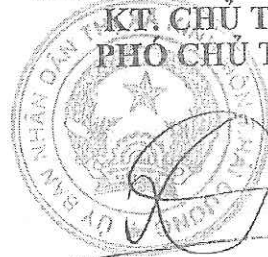
4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; Quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. /.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- UBND phường Hiệp Sơn;
- Lưu: VT; KT, HT&ĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Văn Điền

Số: 48 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 79/TTr-MHB ngày 09/01/2019 của Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường xanh MHB.

Người đại diện là ông: **Nguyễn Văn Biễn** Chức danh: **Giám đốc**

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ
CHỨNG NHẬN

Công trình: CƠ SỞ SẢN XUẤT, KINH DOANH MÁY MÓC VÀ CÁC THIẾT BỊ
XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG

Địa điểm xây dựng: Xã Hiệp Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường xanh MHB.

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty TNHH Sơn Dương.

Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Tổng mặt bằng, khoảng cách an toàn PCCC;
- Bậc chịu lửa của công trình; lối và đường thoát nạn;
- Tường ngăn cháy dày 220mm, cửa ngăn cháy giới hạn chịu lửa 120 phút;
- Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống điện cấp cho PCCC;
- Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà;
- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Các bình chữa cháy ban đầu; hệ thống chống sét; hệ thống hút khói.

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu Phòng CS. PCCC&CNCH.

Hải Dương, ngày 18 tháng 01 năm 2019

TRƯỞNG PHÒNG



THƯỢNG TÁ: *Hà Tiến Dũng*

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Quyết định số 2192/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình;		
2	Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng công trình;		
3	Công văn số 09/CV-PNN&PTNT ngày 08/01/2019 của Phòng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Kinh Môn về việc xác nhận nguồn cấp nước chữa cháy;		
4	Công văn số 73/CV-MHB ngày 02/01/2019 của Công ty Cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB về việc cam kết thi công đảm bảo đường cho xe chữa cháy hoạt động;		
5	Quyết định số 17/QĐ-MHB ngày 04/7/2018 của chủ đầu tư về việc phê duyệt tổng mức đầu tư xây dựng công trình (Kèm theo dự toán)		
6	Tổng mặt bằng công trình	Quy hoạch	
7	Tổng mặt bằng giải pháp ngăn cháy	TMB:NC	
8	Mặt bằng bố trí tường ngăn cháy	NC:01-09	
9	Tổng mặt bằng hệ thống báo cháy tự động	BCTĐ-01	
10	Mặt bằng bố trí hệ thống báo cháy tự động	BCTĐ-01-06	
11	Sơ đồ nguyên lý hệ thống báo cháy tự động	BCTĐ-07	
12	Chi tiết lắp đặt tủ trung tâm báo cháy	BCTĐ-09	
13	Chi tiết lắp đặt tổ hợp chuông đèn nút ấn báo cháy và thiết bị báo cháy tự động	BCTĐ-08-10	
14	Mặt bằng bố trí hệ thống cấp nước chữa cháy	CNCCTĐ-CCVT-01	
15	Mặt bằng bố trí họng nước chữa cháy	CNCCTĐ-CCVT-01-06	
16	Sơ đồ không gian cấp nước chữa cháy	CNCCTĐ-CCVT-07	
17	Sơ đồ nguyên lý trạm bơm chữa cháy	CNCCTĐ-CCVT-011-13	
18	Chi tiết lắp đặt họng nước chữa cháy	CNCCTĐ-CCVT-08	
19	Chi tiết lắp đặt đường ống và trụ nước CC	CNCCTĐ-CCVT-01	
20	Mặt bằng hệ thống đèn sự cố và thoát nạn	THTN-01-09	
21	Sơ đồ nguyên lý hệ thống sự cố và thoát nạn	THTN-11	
23	Chi tiết lắp đặt đèn sự cố và thoát nạn	THTN-10	
24	Sơ đồ cấp điện	CD-01	
25	Mặt bằng bố trí bình chữa cháy	PTCC-01-10	
26	Chi tiết lắp đặt bình chữa cháy	PTCC-11	
27	Mặt bằng bố trí quạt hút khói	TGHK-01-04	
28	Mặt bằng hệ thống chống sét	CS-01	
29	Bản vẽ kiến trúc và kết cấu công trình	01 quyền	
30	Thuyết minh kỹ thuật PCCC	01 quyền	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1331/QĐ-UBND

Kinh Môn, ngày 17 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp, tỷ lệ 1/500

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 21/10/2022 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Ban hành Quy định một số nội dung về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 2060/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Quyết định Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 52/TTr-KT,HT&ĐT ngày 16/4/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp, tỷ lệ 1/500, với các nội dung chính như sau:



I. HỒ SƠ:

- Tên đồ án: Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp, tỷ lệ 1/500.

- Địa điểm: phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Chủ đầu tư tổ chức lập quy hoạch: Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB.

- Đơn vị tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch: Viện Quy hoạch kiến trúc Hải Dương - Chi nhánh Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Thành Công III.

II. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Lý do điều chỉnh quy hoạch

Điều chỉnh quy hoạch theo Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của UBND tỉnh Hải Dương về việc Quyết định Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư thực hiện Dự án Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp (điều chỉnh lần thứ nhất từ Dự án Cơ sở sản xuất, kinh doanh máy móc và các thiết bị xử lý môi trường).

2. Nội dung Điều chỉnh

- Cập nhật lại quy mô các công trình Nhà văn phòng 3 tầng - (8) hạng mục số 2; Nhà Xưởng số 02-(10) hạng mục số 04; Nhà Xưởng-(16) hạng mục số 05 đã được chứng nhận tài sản trên đất.

- Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung các hạng mục: Nhà xưởng mở rộng hạng mục số 03, Nhà xưởng hạng mục số 07, Nhà xưởng hạng mục số 08, Nhà điều hành xưởng hạng mục số 11.

- Điều chỉnh QH sử dụng đất:

STT	Loại đất	Được duyệt năm 2018		Điều chỉnh năm 2025		Chênh lệch
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)
1	Đất xây dựng công trình	10724,65	58,21	11804,60	64,07	1079,95
2	Đất cây xanh	3703,43	20,10	3685,00	20,00	-18,43
3	Đất sân đường nội bộ	3508,45	19,04	2.766,40	15,01	-742,05
4	Đất sân bãi ngoài trời	340,20	1,85	0,00	0,00	-340,20
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	148,27	0,80	169,00	0,92	20,73
	Tổng	18.425,00	100	18.425,00	100	0,00

3. Các nội dung khác

Thực hiện theo Quyết định số 4406/QĐ-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh Hải Dương.

(Chi tiết có hồ sơ kèm theo)

Điều 2. Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan căn cứ Điều 1 tổ chức triển khai công bố quy hoạch theo quy định.

Giao UBND phường Hiệp Sơn có trách nhiệm phối hợp chủ đầu tư và các cơ quan liên quan công bố công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch được duyệt.

Đồ án Điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng Nhà máy cơ khí chế tạo thiết bị xử lý môi trường, sản xuất linh kiện, phụ tùng ngành cơ khí chế tạo, thiết bị công nghiệp được duyệt là cơ sở để chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo theo quy định của pháp luật và thực hiện quản lý theo quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thị xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND phường Hiệp Sơn; Giám đốc Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Văn Điền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 03.01/2023/HĐ-MT/DRET-MHB

I. Cơ sở căn cứ:

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Giấy phép Môi trường số 122-GPMT-BTNMT cấp ngày 27 tháng 04 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường;
- Căn cứ công văn chấp thuận số 4102/BTNMT-TCMT ngày 22 tháng 07 năm 2021 về việc liên kết chuyển giao CTNH giữa Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường và Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công;
- Căn cứ vào nhu cầu của Chủ nguồn thải về xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất theo phương thức an toàn và đảm bảo cho môi trường và khả năng cung cấp dịch vụ của Chủ thu gom vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại;
- Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2023, chúng tôi cùng nhau ký **HỢP ĐỒNG** với các điều khoản và điều kiện sau:

II. Chủ nguồn thải: (Bên A)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH MHB

Đại diện : Ông Nguyễn Văn Biễn Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
Điện thoại : 0916034868
Tài khoản số : 110602058888 - Tại ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh khu công nghiệp Hải Dương.
Mã số thuế : 0801224033

III. Chủ xử lý chất thải: (Bên B)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Đại diện : Ông Nguyễn Hữu Nguyên Chức vụ: Giám đốc
Địa chỉ : Khu Tập thể Z 176B, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : 0243.5626204
Tài khoản số : 8336678988888 - Tại Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Dương.
Mã số thuế : 0101 4250947
Mã số QLCTNH : 122-GPMT-BTNMT

Điều 1: Nội dung công việc:

Bên A đồng ý giao, Bên B đồng ý nhận thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải thông thường và chất thải nguy hại, phát sinh trong quá trình sản xuất của Bên A tại các cơ sở xử lý của Bên B:

Danh mục chất thải thông thường và chất thải nguy hại để xử lý được nêu trong phụ lục của hợp đồng. Trường hợp trong quá trình sản xuất mà có phát sinh chất thải chưa được nêu trong phụ lục đã ký, thì hai bên tiến hành bổ sung phụ lục tiếp theo. Các Phụ lục đính kèm là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

1.1 Chủ xử lý CTNH: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Địa điểm xử lý: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thù, phường Phú Thù, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

1.2 Chủ xử lý liên danh: Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Công.

Địa điểm xử lý: Cụm CN Hiệp Sơn, phường Hiệp Sơn, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

Điều 2: Đóng gói, vận chuyển

- Bên B sẽ thu gom chất thải thông thường và chất thải nguy hại, tại địa điểm của bên A, phân loại chất thải thông thường và chất thải nguy hại, sau đó vận chuyển đến địa điểm xử lý như quy định tại Điều 1 để xử lý chất thải theo cách thức an toàn và tốt cho môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường của Việt Nam và các quy định có liên quan khác.
- Các bên chủ nguồn thải và chủ xử lý chất thải nguy hại sẽ hoàn tất chứng từ chất thải theo quy định của Pháp luật.

Điều 3: Giá cả và phương thức thanh toán

- Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải được áp dụng theo **Phụ lục 1** của Hợp đồng.
- Phương thức thanh toán:** Việc thanh toán sẽ được thực hiện bằng đồng Việt Nam; hình thức thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản của bên B (được quy định tại trang đầu tiên của hợp đồng này).
- Bên B sẽ cung cấp hóa đơn GTGT và chứng từ chất thải thông thường và nguy hại. Việc thanh toán được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc sau ngày xuất hóa đơn của bên B.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền lợi của các bên

4.1. Trách nhiệm và quyền lợi của bên A:

- Bên A có trách nhiệm phân loại và đăng ký quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ban hành ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Bên A cung cấp cho bên B bản PDF dấu đỏ sổ chủ nguồn thải (nếu có)
- Bên A cung cấp cho bên B mẫu chất thải để bên B tiến hành phân tích thành phần phục vụ cho việc xử lý và làm căn cứ để thực hiện hợp đồng này. Ngoài ra Bên A sẽ

cung cấp cho Bên B các tài liệu về thu gom và quản lý chất thải, mẫu biên bản khối lượng bàn giao chất thải (Nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt)

- d. Bên A đảm bảo chất thải phải nhất quán với hồ sơ chất thải.
- e. Bên A thông báo thời gian vận chuyển chất thải cho bên B 02 ngày trước khi tiến hành thực hiện hoặc tùy theo tình hình thực tế. Chất thải phải được phân loại sẵn sàng để bên B đóng gói và vận chuyển.
- f. Bên A cho phép bên B đi vào địa điểm thu gom chất thải nguy hại, hướng dẫn và tạo điều kiện cho việc bốc xếp đúng chủng loại chất thải nguy hại.
- g. Bên A cử cán bộ chuyên môn kiểm tra, giám sát, niêm phong xe vận chuyển chất thải và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
- h. Bên A thanh toán cho bên B đúng thời hạn trong hợp đồng và căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom và xử lý tiêu hủy theo biên bản bàn giao chất thải giữa hai bên.
- i. Bên A có quyền kiểm tra, giám sát bất kỳ lúc nào việc thực hiện hợp đồng của bên B nhưng không làm ảnh hưởng đến việc sản xuất và thực hiện hợp đồng của bên B.

4.2. Trách nhiệm và quyền lợi của bên B:

- a. Bên B có trách nhiệm kiểm tra, phân tích các thành phần các mẫu chất thải các loại do bên A cung cấp.
- b. Sau khi nhận được thông báo của bên A tối đa 5 ngày làm việc (đối với khối lượng chất thải phát sinh hàng tháng) bên B phải hoàn tất việc bốc xếp toàn bộ lượng tồn kho chất thải theo danh mục trong Phụ lục 1 và thực hiện vận chuyển đến nơi xử lý tiêu hủy.
- c. Bên B có trách nhiệm xuất trình các loại giấy phép cần thiết theo quy định của Nhà nước về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý tiêu hủy chất thải tại Việt Nam và cung cấp các tài liệu liên quan đến công nghệ xử lý tiêu hủy chất thải.
- d. Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển, vệ sinh sạch sẽ khu vực sau khi hoàn thành công việc; tiến hành xử lý tiêu hủy chất thải như thỏa thuận được đề cập trong Phụ lục 1 của Hợp đồng này và đảm bảo niêm phong còn nguyên vẹn khi bàn giao chất thải cho chủ xử lý, tiêu hủy.
- e. Bên B cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).
- f. Trong trường hợp bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với chủng loại chất thải theo danh mục trong Phụ lục 1 của Hợp đồng này thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành.
- g. Bên B thực hiện quan trắc định kỳ tại địa điểm xử lý tiêu hủy và gửi báo cáo tới cơ quan Quản lý Môi trường.
- h. Bên B cung cấp hóa đơn giá trị gia tăng căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom và xử lý theo biên bản bàn giao chất thải giữa hai bên.
- i. Bên B đảm bảo rằng nhân viên của mình sẽ tuân thủ các quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, quy trình tiếp cận địa điểm, sử dụng thiết bị do bên A quy định; hành xử theo cách đảm bảo sức khỏe cho bản thân họ và những người khác trong khi làm việc trên địa bàn quản lý của bên A. Bên B sẽ phải bồi thường cho bên A nếu có rủi ro và thương tích xảy ra bắt nguồn từ sơ xuất hay hành xử không đúng của nhân viên của bên B.

- j. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra các sự cố môi trường trong quá trình vận chuyển và xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại của bên A.

Điều 5. Các điều kiện bất khả kháng:

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh,... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên B bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 6: Các điều khoản chung

- a. Hiệu lực hợp đồng: Hợp đồng này có thời gian thực hiện là hai (02) năm và có giá trị kể từ ngày ký. Các phụ lục, biên bản thỏa thuận giữa các bên là một phần không tách rời của Hợp Đồng này.

Hợp đồng này sẽ được tự động gia hạn thêm mỗi một (01) năm nếu hai Bên không có thỏa thuận khác. Nếu một trong hai Bên muốn thay đổi phải thông báo cho Bên kia ít nhất một (01) tháng trước khi hết hạn Hợp Đồng.

- b. Hợp đồng này sẽ không được chỉnh sửa, thay đổi hoặc bổ sung trừ khi có sự thỏa thuận của hai bên bằng văn bản.
- c. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp về bất cứ vấn đề nào của hợp đồng về quyền lợi và nghĩa vụ hoặc bồi thường hai bên sẽ cùng nhau giải quyết. Nếu hai bên không tự giải quyết được thì trong vòng 03 tháng kể từ ngày tranh chấp được thông báo bằng văn bản của một bên cho bên còn lại, hai bên sẽ đưa ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để giải quyết theo thủ tục tố tụng của Trung tâm trọng tài này. Phán quyết của Trung tâm trọng tài là phán quyết cuối cùng có giá trị bắt buộc thực hiện đối với các bên. Phán quyết đó cũng bao gồm việc phân chia phí trọng tài.
- d. Mỗi bên đều có quyền chấm dứt hợp đồng nếu bên còn lại vi phạm nghiêm trọng các điều khoản trong hợp đồng, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Việc chấm dứt hợp đồng phải được thông báo bằng văn bản nêu rõ tính chất vi phạm và ngày chấm dứt hợp đồng nhưng không ít hơn 60 ngày sau khi thông báo đã được gửi đến cho bên vi phạm, tuy nhiên các quyền và nghĩa vụ vẫn còn giá trị cho đến khi cả hai bên đã hoàn thành quyền và nghĩa vụ của mình. Những điều khoản sau khi kết thúc hợp đồng vẫn còn giá trị gồm có tính bảo mật về dữ liệu của cả hai bên, trách nhiệm thanh toán và bảo đảm bồi thường (nếu có) và các trách nhiệm pháp lý khác của mỗi bên liên quan đến hợp đồng này.

Với sự chứng kiến của các bên, hợp đồng này được lập thành 02 bản, Bên A giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN BIỂN

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Nguyên

PHỤ LỤC I HỢP ĐỒNG: THU GOM VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CÁC CHẤT THẢI

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 03.01/2023/HĐ-MT/DRET-MHB ký ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa:

Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường xanh MHB
Và

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

STT	Loại chất thải	Mã số CTNH	Đơn vị tính	Số lượng kg/năm	Đơn giá (VND)
<u>1.0</u>	<u>Chất thải thông thường</u>		<u>kg</u>	<u>6.800</u>	
	Gỗ				
	Bìa cát tông, giấy vụn				
	Bao bì				
	Cát làm sạch				
	Gạch ngói thải				
	Gang tay, giẻ lau				
	Vỏ dây điện, lõi nhựa các loại				
	Máy công cụ cầm tay				
<u>2.0</u>	<u>Chất thải sinh hoạt:</u>			<u>500</u>	
	Rau củ quả,				
	Túi ni lông đựng thực phẩm				
<u>3.0</u>	<u>Chất thải nguy hại</u>		<u>kg</u>	<u>700</u>	
	Đá mài, đá cắt				
	Vỏ thùng sơn, thùng nhựa các loại				
	Giẻ lau dính dầu				
	Dầu thải				
	Mỡ công nghiệp				
CỘNG				8.000	
<i>Giá trên chưa bao gồm thuế GTGT</i>					

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN BIỂN

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Nguyên



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 10, Đường Hồng Quang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số tài khoản: 4602304145 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương

Mã số thuế: 0800001348 - Điện thoại: 02203841517

Ký hiệu: 1K25TNS

Số: 234214

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 04 tháng 02 năm 2025

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng: KM00-0101

Mã số thuế: 0801224033

Số TK:

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Khối lượng(m ³)	
5352	5068	284	Kỳ chốt số: 01-2025
Đối tượng	Khối lượng(m ³)	Đơn giá(đ)	Thành tiền(đ)
Nước sạch			
Sinh hoạt hộ dân cư	- 10m ³ đầu tiên		
	- Từ 10-20m ³		
	- Từ 20-30m ³		
	- Trên 30m ³		
Hành chính sự nghiệp			
Sản xuất vật chất	284	14.500	4.118.000
Kinh doanh dịch vụ			
Cộng:	284		4.118.000
Tiền thuế GTGT đối với nước sạch (Thuế suất GTGT: 5%)			205.900
Dịch vụ thoát nước	0	0	0
Tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thoát nước (Thuế suất GTGT: 8%)			0
Phí BV môi trường đối với nước thải SH (10%)			0
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN			4.323.900

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu ba trăm hai mươi ba nghìn chín trăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Ký ngày 04/02/2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: Số 10, Đường Hồng Quang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số tài khoản: 4602304145 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương

Mã số thuế: 0800001348 - Điện thoại: 02203841517

Ký hiệu: 1K25TNS

Số: 708035

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 03 tháng 04 năm 2025

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng: KM00-0101

Mã số thuế: 0801224033

Số TK:

Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Khối lượng(m ³)	
5867	5609	258	Kỳ chốt số: 03-2025
Đối tượng	Khối lượng(m ³)	Đơn giá(đ)	Thành tiền(đ)
Nước sạch			
Sinh hoạt hộ dân cư	- 10m ³ đầu tiên		
	- Từ 10-20m ³		
	- Từ 20-30m ³		
	- Trên 30m ³		
Hành chính sự nghiệp			
Sản xuất vật chất	258	14.500	3.741.000
Kinh doanh dịch vụ			
Cộng:	258		3.741.000
Tiền thuế GTGT đối với nước sạch (Thuế suất GTGT: 5%)			187.050
Dịch vụ thoát nước	0	0	0
Tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thoát nước (Thuế suất GTGT: 8%)			0
Phí BV môi trường đối với nước thải SH (10%)			0
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN			3.928.050

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu chín trăm hai mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Ký ngày 03/04/2025



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: Số 10, Đường Hồng Quang, Phường Quang Trung, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Số tài khoản: 4602304145 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hải Dương

Mã số thuế: 0800001348 - Điện thoại: 02203841517

Ký hiệu: 1K25TNS

Số: 941082

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN NƯỚC)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

Ngày 03 tháng 05 năm 2025

Tên khách hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Mã khách hàng: KM00-0101

Mã số thuế: 0801224033

Số TK:

Chỉ số mới		Chỉ số cũ		Khối lượng(m^3)
6170		5867		303 Kỳ chốt số: 04-2025
Đối tượng		Khối lượng(m^3)	Đơn giá(đ)	Thành tiền(đ)
Nước sạch				
Sinh hoạt hộ dân cư	- 10m ³ đầu tiên			
	- Từ 10-20m ³			
	- Từ 20-30m ³			
	- Trên 30m ³			
Hành chính sự nghiệp				
Sản xuất vật chất		303	14.500	4.393.500
Kinh doanh dịch vụ				
Cộng:		303		4.393.500
Tiền thuế GTGT đối với nước sạch (Thuế suất GTGT: 5%)				219.675
Dịch vụ thoát nước		0	0	0
Tiền thuế GTGT đối với dịch vụ thoát nước (Thuế suất GTGT: 8%)				0
Phí BV môi trường đối với nước thải SH (10%)				0
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN				4.613.175

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu sáu trăm mười ba nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng

Người mua hàng

Người bán hàng

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NƯỚC SẠCH HẢI DƯƠNG

Ký ngày 03/05/2025



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

19006769

Điện lực Kinh Môn

EVN

Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, VN
MST: 0800356171

Số tài khoản: 110000017988 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh Nhị Chiểu

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH MHB

Địa chỉ

Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị Xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại

0942815838

Email

Mã số thuế

0801224033

Địa chỉ sử dụng điện

Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị Xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

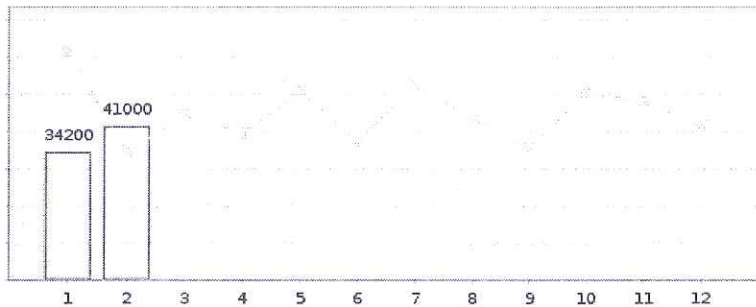
Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 2/2025 (28 ngày từ 01/02/2025 đến 28/02/2025)

CÔNG TỶ ĐO Đếm	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	DIỆN TIÊU THỤ (kWh)
1632145716				
Khung giờ bình thường - Tháo ngày 06/02/2025	200	3.380,65	3.369	2.330
Khung giờ cao điểm - Tháo ngày 06/02/2025	200	1.042,31	1.037	1.062
Khung giờ thấp điểm - Tháo ngày 06/02/2025	200	425,35	423	470
Khung giờ bình thường	200	3.505	3.380,65	24.870
Khung giờ cao điểm	200	1.081	1.042,31	7.738
Khung giờ thấp điểm	200	448	425,35	4.530
				Tổng: 41.000



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại - Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.896	27.200	51.571.200
Khung giờ cao điểm	3.474	8.800	30.571.200
Khung giờ thấp điểm	1.241	5.000	6.205.000
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		41.000	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			88.347.400
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			7.067.792
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			95.415.192

Bảng chữ: Chín mươi lăm triệu bốn trăm mười lăm nghìn một trăm chín mươi hai đồng.



Mã khách hàng

PM09000095398



Số tiền thanh toán

95.415.192 đồng



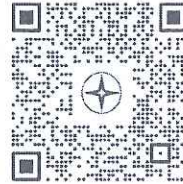
Hạn thanh toán

10/03/2025

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNNPC

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

19006769

cskh@npc.com.vn

<https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>

zalo.me/evnnpc

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: Công Ty TNHH MTV Điện Lực Hải Dương - Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 03/03/2025



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

19006769

Điện lực Kinh Môn

EVN

Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, VN
MST: 0800356171

Số tài khoản: 110000017988 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh Nhị châu

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH MHB

Địa chỉ

Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị Xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại

0942815838

Email

Mã số thuế

0801224033

Địa chỉ sử dụng điện

Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị Xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

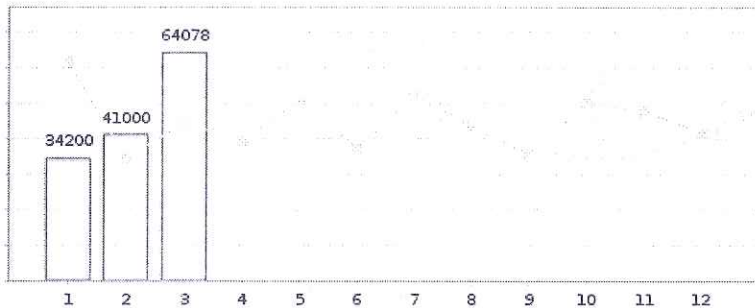
Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 3/2025 (31 ngày từ 01/03/2025 đến 31/03/2025)

CÔNG TỶ ĐO ĐẾM	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
1632145716				
Khung giờ bình thường	200	3.731,56	3.505	45.312
Khung giờ cao điểm	200	1.154,61	1.081	14.722
Khung giờ thấp điểm	200	468,22	448	4.044
				Tổng: 64.078



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại ... Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.896	45.312	85.911.552
Khung giờ cao điểm	3.474	14.722	51.144.228
Khung giờ thấp điểm	1.241	4.044	5.018.604
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		64.078	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			142.074.384
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			11.365.951
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			153.440.335

Bằng chữ: Một trăm năm mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi nghìn ba trăm ba mươi lăm đồng.



Mã khách hàng

PM09000095398



Số tiền thanh toán

153.440.335 đồng



Hạn thanh toán

09/04/2025

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNNPC

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

19006769

cskh@npc.com.vn

<https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>

zalo.me/evnnpc

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: Công ty TNHH MTV Điện Lực Hải Dương - Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 02/04/2025



CÔNG TY TNHH MTV ĐIỆN LỰC HẢI DƯƠNG - TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN BẮC

19006769

Điện lực Kinh Môn

EVN

Số nhà 33, đại lộ Hồ Chí Minh, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, VN

MST: 0800356171

Số tài khoản: 110000017988 - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - VIETINBANK Chi nhánh Nhị chiểu

THÔNG BÁO TIỀN ĐIỆN

(Không thay thế hóa đơn)

Khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH MHB

Địa chỉ

Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị Xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Điện thoại

0942815838

Email

Mã số thuế

0801224033

Địa chỉ sử dụng điện

Cụm công nghiệp Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị Xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Mục đích sử dụng điện

100 % Sản xuất - Giờ bình thường
100 % Sản xuất - Giờ cao điểm
100 % Sản xuất - Giờ thấp điểm

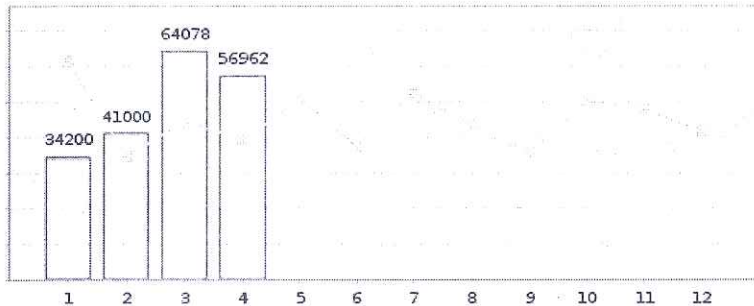
Cấp điện áp sử dụng

Dưới 380V

TÌNH HÌNH SỬ DỤNG ĐIỆN CỦA KHÁCH HÀNG

Kỳ hóa đơn: Tháng 4/2025 (30 ngày từ 01/04/2025 đến 30/04/2025)

CÔNG TỶ ĐO Đếm	HỆ SỐ NHÂN	CHỈ SỐ MỚI	CHỈ SỐ CŨ	ĐIỆN TIÊU THỤ (kWh)
1632145716				
Khung giờ bình thường	200	3.939,65	3.731,56	41.618
Khung giờ cao điểm	200	1.221,54	1.154,61	13.386
Khung giờ thấp điểm	200	478,01	468,22	1.958
				Tổng: 56.962



Mức tiêu thụ của khách hàng năm hiện tại

Mức tiêu thụ của khách hàng năm trước

TỔNG SỐ TIỀN THANH TOÁN

KHUNG GIỜ MUA ĐIỆN	ĐƠN GIÁ (đồng/kWh)	SẢN LƯỢNG (kWh)	THÀNH TIỀN (đồng)
Khung giờ bình thường	1.896	41.618	78.907.728
Khung giờ cao điểm	3.474	13.386	46.502.964
Khung giờ thấp điểm	1.241	1.958	2.429.878
Tổng điện năng tiêu thụ (kWh)		56.962	
Tổng tiền điện chưa thuế (đồng)			127.840.570
Thuế suất GTGT			8%
Thuế GTGT (đồng)			10.227.246
Tổng cộng tiền thanh toán (đồng)			138.067.816

Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn tám trăm mười sáu đồng.



Mã khách hàng

PM09000095398



Số tiền thanh toán

138.067.816 đồng



Hạn thanh toán

10/05/2025

Để tránh phát sinh các chi phí phạt vi phạm hợp đồng và lãi suất phạt chậm trả, đề nghị Quý khách hàng thanh toán đúng hạn

THANH TOÁN TRỰC TUYẾN

Vui lòng truy cập địa chỉ cskh.npc.com.vn và nhập mã thanh toán để thực hiện dịch vụ hoặc quét mã QR Code để thanh toán trực tuyến:



THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm CSKH EVNNPC

Thửa số 2, lô VP1, Khu bán đảo Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, TP Hà Nội

19006769

cskh@npc.com.vn

<https://www.facebook.com/evnnpc.cskh/>

zalo.me/evnnpc

Tải ứng dụng CSKH trên IOS và Android



iOS



Android

Được ký bởi: Công Ty TNHH MTV Điện Lực Hải Dương - Tổng Công Ty Điện Lực Miền Bắc
Ngày ký: 03/05/2025

TỈNH/ THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 4126.../2024/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG Số GPMT: 122/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội ĐT: 024.35626204
Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, phường Phú Thứ, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: ĐT:
Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty cổ phần công nghệ môi trường xanh MHB Mã số QLCTNH:
Địa chỉ văn phòng: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương ĐT: 0916034868
Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương ĐT: 0942815838

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Lõi đá mài, đá cắt	x			070310	115,0	TĐ
2	Vỏ thùng sơn, thùng nhựa các loại	x			180103	33,0	TĐ
3	Giẻ lau dính dầu	x			180201	42,0	TĐ
4	Dầu thải		x		170703	25,0	TĐ/TC
5	Các loại sập mỡ thải	x			170704	8,0	TĐ

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:
Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 9C - 638.44

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Văn Duy Ký: Duy Ngày 5/10/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Viết tắt ngày 09 Tháng 10 năm 2024



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày 09 tháng 10 năm 2024



PGĐ KỸ THUẬT

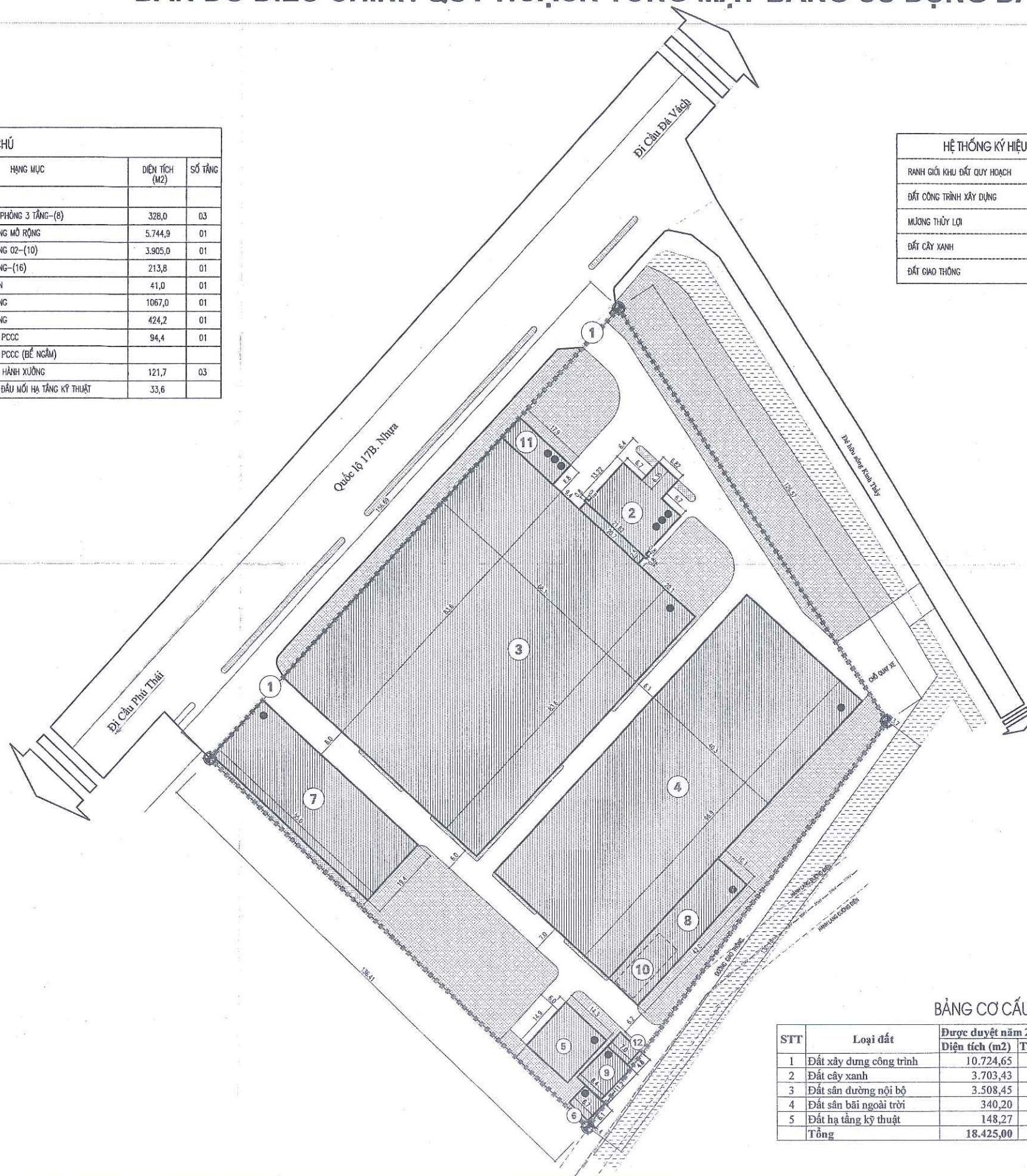
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - NGUYỄN VĂN BIÊN 4 ✓

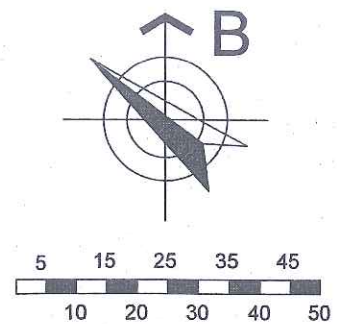
Ghi chú:

BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

HỆ THỐNG KÝ HIỆU VÀ GHI CHÚ	
RANH GIỚI KHU ĐẤT QUY HOẠCH	
ĐẤT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG	
MƯỜNG THỦY LỢI	
ĐẤT CÂY XANH	
ĐẤT GIAO THÔNG	



STT	Loại đất	Được duyệt năm 2018		Điều chỉnh năm 2025		Chênh lệch
		Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)
1	Đất xây dựng công trình	10.724,65	58,21	11.804,60	64,07	1.079,9
2	Đất cây xanh	3.703,43	20,10	3.685,00	20,00	-18,4
3	Đất sản dưỡng nội bộ	3.508,45	19,04	2.766,40	15,01	-742,0
4	Đất sản bãi ngoài trời	340,20	1,85	-	-	-340,2
5	Đất hạ tầng kỹ thuật	148,27	0,80	169,00	0,92	20,7
	Tổng	18.425,00	100,00	18.425,00	100,00	0,0



ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN



KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 1381 NGÀY 14 THÁNG 5 NĂM 2025

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ



KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 52 **TRẦN VĂN TUYỀN**
 NGÀY 16 THÁNG 7 NĂM 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HIỆP SƠN



CHỦ ĐẦU TƯ:

Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH MHB

KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ 882.2025 NGÀY 20 THÁNG 2 NĂM 2025

ĐIỀU CHỈNH QH TMB XÂY DỰNG NHÀ MÁY CƠ KHÍ CHẾ TẠO THIẾT BỊ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
SẢN XUẤT LINH KIỆN PHỤ TÙNG NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO, THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: 03	GHÉP: 1 A1	TỈ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2025
THIẾT KẾ	KTS. LƯƠNG THỊ THU HƯỜNG		
CHỦ TRÌ:	KTS. LƯƠNG THỊ THU HƯỜNG		
CHỦ NHIỆM:	KTS. VŨ VIỆT HẢI		
TRƯỞNG PHÒNG:	KS. PHẠM VĂN MẠNH		
Q.L. KỸ THUẬT:	KS. PHẠM VĂN MẠNH		

VIỆN TRƯỞNG
Nguyễn Quang Hải

VIỆN QUY HOẠCH KIẾN TRÚC HẢI DƯƠNG - CHI NHÁNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VLXD THÀNH CÔNG III

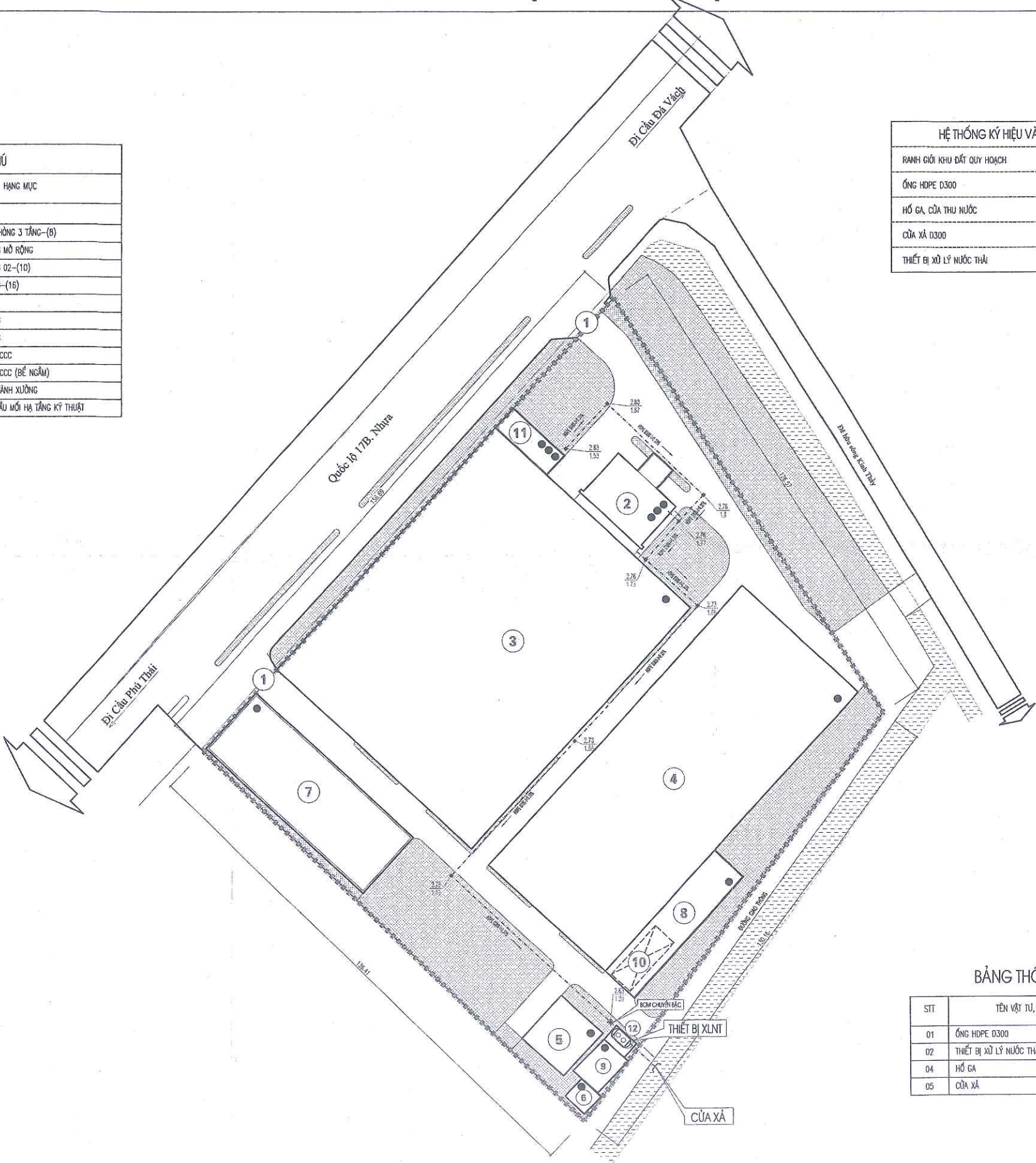
TRỤ SỞ: SỐ 10A, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÍA TÂY ĐƯỜNG NGÔ QUYỀN, PHƯỜNG CẨM THƯỢNG, THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG
TEL: 031551961 WEBSITE: WWW.TCORN.COM

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG NHÀ MÁY CƠ KHÍ CHẾ TẠO THIẾT BỊ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, SẢN XUẤT LINH KIỆN PHỤ TÙNG NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO, THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

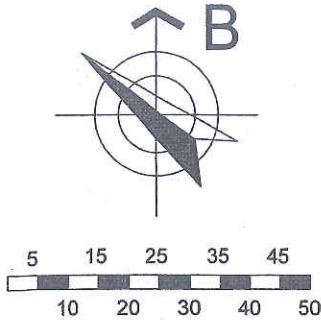
GHI CHÚ	
STT	HẠNG MỤC
①	CỔNG
②	NHÀ VÁN PHÒNG 3 TẦNG-(8)
③	NHÀ XƯỞNG MỎ RỘNG
④	NHÀ XƯỞNG 02-(10)
⑤	NHÀ XƯỞNG-(16)
⑥	TRẠM ĐIỆN
⑦	NHÀ XƯỞNG
⑧	NHÀ XƯỞNG
⑨	BIỂ NƯỚC PCCC
⑩	BIỂ NƯỚC PCCC (BỂ NGẦM)
⑪	NHÀ ĐIỀU HÀNH XƯỞNG
⑫	KHU VỰC ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

HỆ THỐNG KÝ HIỆU VÀ GHI CHÚ	
RANH GIỚI KHU DẤT QUY HOẠCH	
ỐNG HDPE D300	
HỒ GA, CỬA THU NƯỚC	
CỬA XÁ D300	
THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

STT	TÊN VẬT TƯ, THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
01	ỐNG HDPE D300	M	257
02	THIẾT BỊ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	CÁI	01
04	HỒ GA	CÁI	09
05	CỬA XÁ	CÁI	01



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN ĐIỂN

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: 133/... NGÀY 27 THÁNG 02 NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
TRẦN VĂN TUYẾN

KÈM THEO TỔ TRƯNG SỐ: ... NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 2025

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HIỆP SƠN

CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN CHƯNG

KÈM THEO TỔ TRƯNG SỐ: ... NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH MHB

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN ĐIỂN

KÈM THEO TỔ TRƯNG SỐ: ... NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QH TMB XÂY DỰNG NHÀ MÁY CƠ KHÍ CHẾ TẠO THIẾT BỊ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
SẢN XUẤT LINH KIỆN PHỤ TÙNG NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO, THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QH TMB THOÁT NƯỚC THẢI

BẢN VẼ: 07	GHÉP: 1 A1	TỈ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2025
THIẾT KẾ	KS. NGUYỄN VĂN TIỀN		
CHỦ TRƯ:	KS. NGUYỄN VĂN TIỀN		
CHỦ NHIỆM:	KTS. VŨ VIỆT HẢI		
TRƯỞNG PHÒNG:	KS. PHẠM VĂN MẠNH		
Q.L. KỸ THUẬT:	KS. PHẠM VĂN MẠNH		
VIỆN TRƯỞNG:	VIỆN TRƯỞNG		

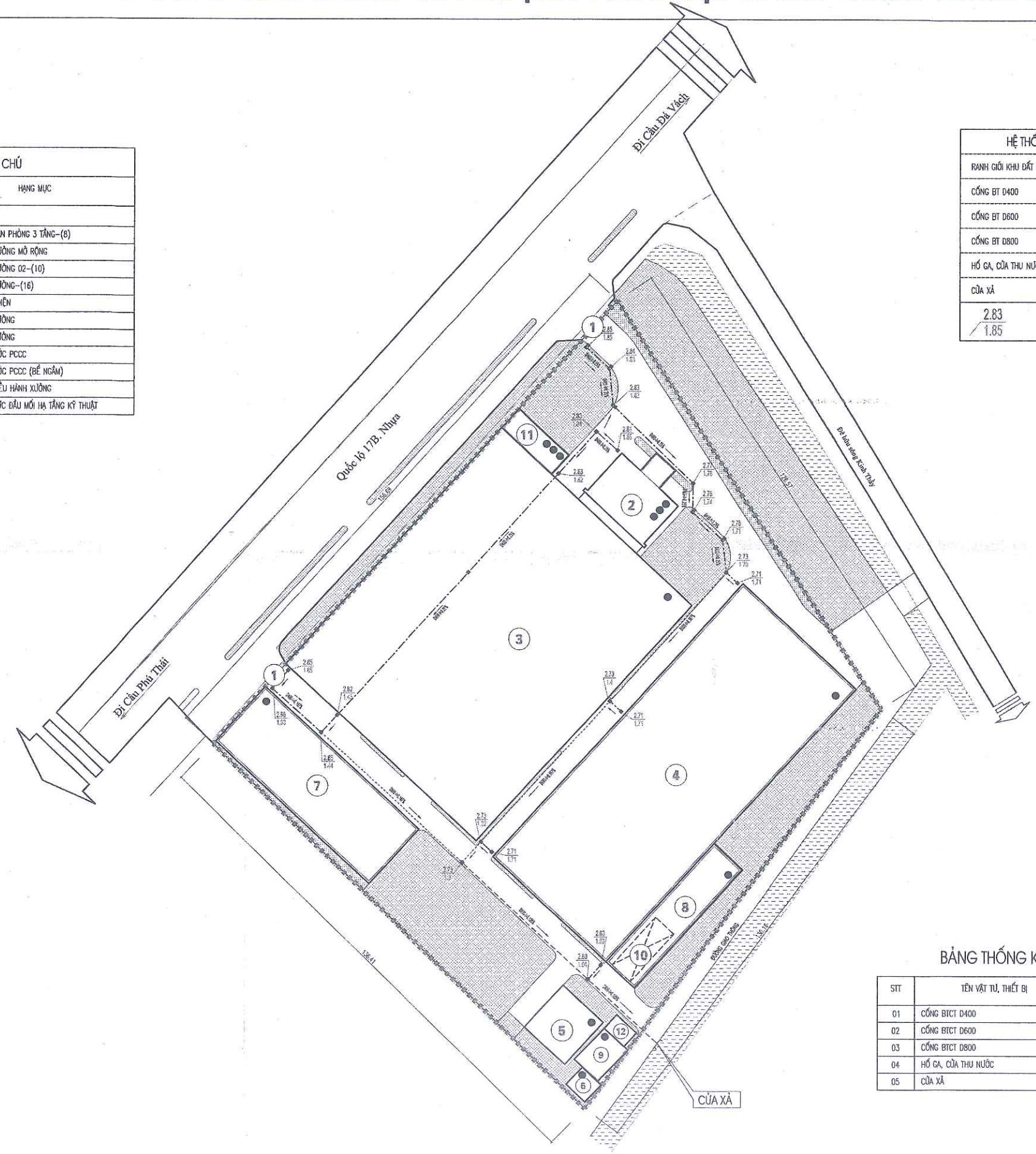
VIỆN QUÝ HOẠCH KIẾN TRÚC HÀI DƯƠNG - CHI NHÁNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VLXD THÀNH CÔNG III
TRỤ SỞ: SỐ 10A, CỤM CÔNG NGHIỆP PHÁP TÂY ĐƯỜNG HỒ CHÍ MINH, PHƯỜNG CỎ THƯỜNG, THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG
TEL: 096759181
WEBSITE: WWW.TCGM.COM

ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG XÂY DỰNG NHÀ MÁY CƠ KHÍ CHẾ TẠO THIẾT BỊ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG, SẢN XUẤT LINH KIỆN PHỤ TÙNG NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO, THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

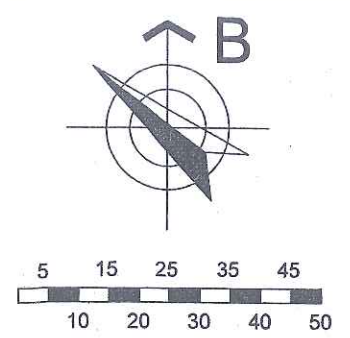
BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA

GHI CHÚ	
STT	HẠNG MỤC
①	CỐNG
②	NHÀ VÁN PHÒNG 3 TẦNG-(8)
③	NHÀ XƯỞNG MỎ RỘNG
④	NHÀ XƯỞNG 02-(10)
⑤	NHÀ XƯỞNG-(16)
⑥	TRẠM ĐIỆN
⑦	NHÀ XƯỞNG
⑧	NHÀ XƯỞNG
⑨	BỂ NƯỚC PCCC
⑩	BỂ NƯỚC PCCC (BỂ NGẦM)
⑪	NHÀ ĐIỀU HÀNH XƯỞNG
⑫	KHU VỰC ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

HỆ THỐNG KÝ HIỆU VÀ GHI CHÚ	
RANH GIỚI KHU DẤT QUY HOẠCH	
CỐNG BT D400	
CỐNG BT D600	
CỐNG BT D800	
HỒ GA, CỬA THU NƯỚC	
CỬA XÁ	
2.83 1.85	CAO ĐỘ MẶT GA CAO ĐỘ ĐÁY CỐNG



BẢNG THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG			
STT	TÊN VẬT TƯ, THIẾT BỊ	ĐƠN VỊ	KHỐI LƯỢNG
01	CỐNG BTCT D400	M	213,7
02	CỐNG BTCT D600	M	152,5
03	CỐNG BTCT D800	M	69,7
04	HỒ GA, CỬA THU NƯỚC	CÁI	22
05	CỬA XÁ	CÁI	01



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH THOÀN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
LÊ VĂN ĐIỂN
KÊM THEO QUÊN DUYỆT SỐ: 1531 NGÀY 27 THÁNG 4 NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
TRẦN VĂN TUYẾN
KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 58 NGÀY 26 THÁNG 4 NĂM 2025

CƠ QUAN THỎA THUẬN:
ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG HIỆP SƠN
CHỦ TỊCH
TRẦN VĂN CHƯNG
KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 20.2025 NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 2025

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG XANH MHB
GIÁM ĐỐC
NGUYỄN VĂN ĐIỂN
KÊM THEO TỜ TRÌNH SỐ: 20.2025 NGÀY 26 THÁNG 02 NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH QH TMB XÂY DỰNG NHÀ MÁY CƠ KHÍ CHẾ TẠO THIẾT BỊ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG
SẢN XUẤT LINH KIỆN PHỤ TÙNG NGÀNH CƠ KHÍ CHẾ TẠO, THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ ĐIỀU CHỈNH QH TMB THOÁT NƯỚC MƯA

BẢN VẼ: 06	GHÉP: 1 A1	TỈ LỆ: 1/500	NGÀY: .../.../2025
THIẾT KẾ:	KS. NGUYỄN VĂN TIẾN		
CHỦ TRÌ:	KS. NGUYỄN VĂN TIẾN		
CHỦ NHIỆM:	KTS. VŨ VIỆT HẢI		
TRƯỞNG PHÒNG:	KS. PHẠM VĂN MẠNH		
Q.L. KỸ THUẬT:	KS. PHẠM VĂN MẠNH		
VIÊN TRƯỞNG:	KS. PHẠM VĂN MẠNH		

VIÊN TRƯỞNG
Nguyễn Quang Khoa
VIỆN QUY HOẠCH KIẾN TRÚC HÀI DƯƠNG - CHI NHÁNH
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VLXD THÀNH CÔNG III
TRỤ SỞ: SỐ 10A, CỤM CÔNG NGHIỆP MÊ TÂY ĐƯỜNG SỐ 0 QUỖN, PHƯỜNG CẦN THƯỢNG, THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG, TỈNH HÀ DƯƠNG
TEL: 0983515161 WEBSITE: WWW.TC3VN.COM